



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 và thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 20/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Long Thủy, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh điện năng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Ninh Việt Định	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Bùi Văn Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị (đến ngày 06/04/2009)
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị (từ ngày 07/04/2009)

Ban Giám đốc

Ông Lê Tuấn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28/02/2009)
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/12/2009)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 23 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY). Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ năm tiếp theo.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài Chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *uu*



Lê Tuấn Hải
Tổng Giám đốc
Bình Phước, ngày 25 tháng 02 năm 2010



Số. /0 /2010/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 1 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại thời điểm 31/12/2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1221/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.847.865.556	402.873.852.022
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	108.965.928.799	4.787.653.835
1. Tiền	111		73.965.928.799	4.787.653.835
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	138.981.000.000	178.701.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		138.981.000.000	178.701.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.616.164.929	214.596.592.422
1. Phải thu khách hàng	131		5.526.419.639	213.622.433.130
2. Trả trước cho người bán	132		273.514.450	164.710.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	6.816.230.840	809.449.292
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	5.107.090.328	4.410.405.765
1. Hàng tồn kho	141		5.107.090.328	4.410.405.765
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.177.681.500	378.200.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.177.681.500	378.200.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.225.368.388.131	1.191.084.820.518
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.052.083.985.631	1.170.306.820.518
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.041.990.117.686	1.169.944.540.847
- Nguyên giá	222		1.964.374.602.916	1.964.361.108.630
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(922.384.485.230)	(794.416.567.783)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	10.005.869.487	-
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(63.695.273)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.05	87.998.458	362.279.671
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		172.858.000.000	20.778.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.08	1.400.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	171.458.000.000	20.778.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		426.402.500	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		426.402.500	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.492.216.253.687	1.593.958.672.540

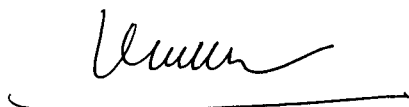
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		639.586.608.638	811.876.862.209
I. Nợ ngắn hạn	310		146.442.207.384	241.060.197.501
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	77.624.000.000	77.624.000.000
2. Phải trả người bán	312		845.664.348	893.428.873
3. Người mua trả tiền trước	313		1.220.012.500	228.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	41.413.177.964	10.100.797.304
5. Phải trả người lao động	315		5.619.482.263	4.029.942.271
6. Chi phí phải trả	316	V.13	15.779.343.492	30.006.007.107
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	3.940.526.817	118.178.021.946
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		493.144.401.254	570.816.664.708
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	493.114.248.446	570.738.248.446
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.152.808	78.416.262
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		852.629.645.049	782.081.810.331
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	852.386.844.659	780.285.170.279
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.057.749.614	3.692.107.320
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.453.588.532	10.542.012.208
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		141.875.506.513	66.051.050.751
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		242.800.390	1.796.640.052
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		242.800.390	1.796.640.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.492.216.253.687	1.593.958.672.540

Bình Phước, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Hải

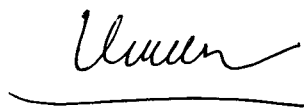
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	442.039.683.196	343.001.831.771
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10		442.039.683.196	343.001.831.771
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	176.102.233.682	162.240.156.066
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		265.937.449.514	180.761.675.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.452.970.494	9.711.936.007
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	71.536.912.491	85.709.051.864
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.536.912.491	85.709.051.864
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.696.900.462	8.867.683.006
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		212.156.607.055	95.896.876.842
11. Thu nhập khác	31		408.721.776	264.545.448
12. Chi phí khác	32		574.544.704	228.407.503
13. Lợi nhuận khác	40		(165.822.928)	36.137.945
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		211.990.784.127	95.933.014.787
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		37.129.870.925	26.861.244.141
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		174.860.913.202	69.071.770.646
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			2.498	987

Bình Phước, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		211.990.784.127	95.933.014.787
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		128.031.612.720	128.670.583.069
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(27.452.970.494)	(9.711.936.007)
- Chi phí lãi vay	6		71.536.912.491	85.709.051.864
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		384.106.338.844	300.600.713.713
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		201.944.958.493	(65.996.304.457)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(696.684.563)	(424.971.787)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.518.201.012	89.009.403.704
- Tiền lãi vay đã trả	13		(85.183.044.893)	(56.065.324.428)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.197.098.677)	(40.237.627.400)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		129.423.367	2.786.062.500
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.848.271.495)	(2.944.033.420)
	20		497.773.822.088	226.727.918.425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(10.083.059.046)	(1.664.359.367)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(140.280.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		145.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(152.080.000.000)	(171.479.000.000)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và LN được chia	27		27.452.970.494	9.711.936.007
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(129.990.088.552)	(163.431.423.360)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	137.759.183.220
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		(89.535.968.005)	(875.657.399.671)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	998.362.248.446
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.624.000.000)	(350.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(96.445.490.567)	(7.029.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(263.605.458.572)	(96.565.218.005)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		104.178.274.964	(33.268.722.940)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.787.653.835	38.056.376.775
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	108.965.928.799	4.787.653.835

Bình Phước, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh



Giám đốc



Lê Tuấn Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 và thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 20/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Long Thủy, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh điện năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 20/03/2006, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp”, Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Do đặc thù sản xuất điện, Công ty không có chi phí sản xuất kinh doanh điện dở dang cuối năm. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm là chi phí liên quan đến công trình “dự án Thác Mơ mở rộng”.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Lập dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc thiết bị	6-10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu nhằm thu lợi nhuận, các khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

8. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

9. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có thể thu được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

10. Thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng của Công ty là 25%. Theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính ban hành, Công ty được vào loại doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, nên được giảm 30% thuế thu nhập trong quý IV năm 2008 và năm 2009.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định Lợi nhuận chịu thuế cũng như Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 45/2009/TT-BTC ngày 11/03/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở sản xuất thủy điện; Thông tư số 124/2009/TT-BTC ngày 17/06/2009 hướng dẫn thi hành Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế Tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	226.503.357	472.447.425
Tiền gửi ngân hàng	73.739.425.442	4.315.206.410
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	-
Cộng	108.965.928.799	4.787.653.835

2. Các khoản khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại NHPT Bình Phước	2.280.000.000	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại NHCT Bình Phước	10.000.000.000	45.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại NHCT CN8 Tp. Hồ Chí Minh	106.701.000.000	131.701.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính CP Điện lực	20.000.000.000	-
Cộng	138.981.000.000	178.701.000.000

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng, có thời hạn 12 tháng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	483.906.871
Trả hộ BQLDA TĐ Thác Mơ mở rộng	3.512.717.019	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.234.601.900	-
Phải thu khác	68.911.921	325.542.421
Cộng	6.816.230.840	809.449.292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4. Hàng tồn kho

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.267.157.810	3.980.800.571
Công cụ, dụng cụ	263.815.395	336.615.397
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.576.117.123	92.989.797
Cộng	5.107.090.328	4.410.405.765

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	87.998.458	362.279.671
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Công trình sửa chữa Thanh Cái	-	362.279.671
+ Nâng cấp thiết bị thị trường điện	87.998.458	-

6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định vô hình		
Tại ngày 01/01/2009	-	-
- Mua trong năm	10.069.564.760	10.069.564.760
Tại ngày 31/12/2009	10.069.564.760	10.069.564.760
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2009	-	-
- Khấu hao trong năm	63.695.273	63.695.273
Tại ngày 31/12/2009	63.695.273	63.695.273
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình		
Tại ngày 01/01/2009	-	-
Tại ngày 31/12/2009	10.005.869.487	10.005.869.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2009	1.240.308.556.436	597.751.383.753	116.854.031.938	9.447.136.503	1.964.361.108.630
- Mua trong năm	-	-	-	13.494.286	13.494.286
Tại ngày 31/12/2009	1.240.308.556.436	597.751.383.753	116.854.031.938	9.460.630.789	1.964.374.602.916
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2009	505.606.852.283	236.924.047.289	43.913.568.226	7.972.099.985	794.416.567.783
- Khấu hao trong năm	41.004.168.276	75.523.063.568	10.873.839.688	566.845.915	127.967.917.447
Tại ngày 31/12/2009	546.611.020.559	312.447.110.857	54.787.407.914	8.538.945.900	922.384.485.230
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2009	734.701.704.153	360.827.336.464	72.940.463.712	1.475.036.518	1.169.944.540.847
Tại ngày 31/12/2009	693.697.535.877	285.304.272.896	62.066.624.024	921.684.889	1.041.990.117.686

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.100.051.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình với tỷ lệ vốn góp 20% trong tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình là 10.000.000.000 đồng. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được bất kỳ thông báo nào của Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình về việc phân chia kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009.

9. Đầu tư dài hạn khác

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Công ty CP thủy điện Srepok	10.800.000.000	10.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Sesan 4	9.978.000.000	9.978.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	-
Công ty CP cơ điện - điện lực Đồng Nai	1.100.000.000	-
Cộng	171.458.000.000	20.778.000.000

Đây là các khoản góp vốn đầu tư vào các Công ty Cổ phần, trong đó Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ. .

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
Vay Tập đoàn Điện lực	42.624.000.000	42.624.000.000
Vay Công ty CP tài chính Điện lực	35.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	77.624.000.000	77.624.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Thuế GTGT	2.692.847.348	5.021.485.342
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.129.870.925	4.211.691.988
Thuế thu nhập cá nhân tạm tính	99.510.651	45.631.974
Thuế tài nguyên	1.490.949.040	821.988.000
Cộng	41.413.177.964	10.100.797.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

12. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Vay Tập đoàn Điện lực (1)	213.114.248.446	255.738.248.446
Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	280.000.000.000	315.000.000.000
Cộng	493.114.248.446	570.738.248.446

(1) Đây là khoản vay với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN-Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm từ ngày 01/01/2008 đến 10/10/2015, tiền gốc và lãi được trả mỗi năm 2 kỳ.

Lãi suất cho vay:

- Từ 01/01/2008 đến 10/10/2008: 11%/năm
- Từ 11/10/2008 đến 31/12/2008: 19,88%/năm

(Năm 2009 và 2010 lãi suất 12% tuy nhiên sẽ được điều chỉnh tương ứng với lãi suất áp dụng để tính trong giá bán điện trong hợp đồng mua bán điện ký giữa EVN và Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ)

• Từ 2011 đến 2015: Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

(2) Đây là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD –TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa là 10 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tiền gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ 11/04/2009.

Lãi suất cho vay:

- Từ 10/10/2008 đến 10/01/2009: 19,88%/năm
- Từ 11/01/2009 đến 10/01/2010: 12%/năm

Từ 11/01/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13. Chi phí phải trả

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	87.998.458	362.279.671
Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	7.081.345.034	13.601.671.880
Lãi vay phải trả Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	8.610.000.000	16.042.055.556
Cộng	15.779.343.492	30.006.007.107

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	129.146.140	126.283.653
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực	-	27.970.750.000
Phải trả vốn đầu tư Tập đoàn Điện lực	-	89.535.968.005
Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.573.616.900	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.237.763.777	545.020.288
Cộng	3.940.526.817	118.178.021.946

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

15a. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	700.000.000.000	1.437.898.216.451
+ Vốn góp tăng trong năm	-	137.759.183.220
+ Vốn góp giảm trong năm	-	(875.657.399.671)
+ Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	35.000.000.000	56.000.000.000

